

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÁ THƯỚC  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2022/HNGĐ-ST

Ngày 24 - 5 - 2022

V/v: “*Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi  
con sau khi ly hôn, chia tài sản sau khi ly hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁ THƯỚC TỈNH THANH HÓA**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Quyên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Cao Xuân Bằng

2. Bà Hà Thị Tâm

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hải Vân - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bá Thước tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Đình Thuật– Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2022, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 219/2021/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2021 về việc: “Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, chia tài sản sau khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 13 tháng 04 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08 ngày 29/4/2022 giữa:

*Nguyên đơn:* Chị Hà Thị H ; Sinh năm 1991 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn P xã V N , huyện B T c, tỉnh Thanh Hóa.

*Bị đơn:* Anh L V T ; Sinh năm 1990 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn P , xã V N , huyện B T c, tỉnh Thanh Hóa.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Ngân hàng chính sách và xã hội huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa

Địa chỉ: Phố 1, thị trấn Cành Nàng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa

Đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Anh Tuấn – Giám Đốc (vắng mặt)

-Bà Hà Thị P sinh năm 1966 (có mặt)

-Bà Hà Thị N , sinh năm 1956 (có mặt)

Đều cư trú tại: Thôn P , xã V N , huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình làm việc tại Tòa án chị Hà Thị H trình bày: Chị H và anh T đã thuận tình ly hôn theo Quyết định số: 204/QĐST-HNGĐ ngày 09/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa. Theo quyết định thuận tình ly hôn anh Thiện trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là cháu Lương Thị Bảo N , sinh ngày 16/12/2007 và cháu Lương Bảo A , sinh ngày 28/10/2014. Về tài sản tự thỏa thuận chưa yêu Tòa án giải quyết.

Sau khi quyết định thuận tình ly hôn có hiệu lực pháp luật anh T cản trở việc thăm con chung, không cho các con gặp chị H g. Anh T đi làm để hai cháu ở nhà chăm nhau không đảm bảo nên chị Hương làm đơn khởi kiện xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Lương Bảo A sinh ngày 28/10/2014.

Về tài sản: Chị H yêu cầu phân chia tài sản và nợ chung trong thời kỳ hôn nhân của chị H và anh T n. Chị H có đơn yêu cầu thẩm định và định giá tài sản để phân chia tài sản đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho chị H .

Về nợ chung: Vợ chồng có khoản nợ chung gồm: Nợ Ngân hàng chính sách Xã hội huyện Bá Thước là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), nợ bà Hà Thị N mẹ đẻ chị H 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Chị H yêu cầu chia đôi nghĩa vụ trả nợ. Chị H sẽ trực tiếp trả nợ cho bà N còn anh T trả nợ Ngân hàng chính sách và bù trừ vào giá trị tài sản chung anh T đang quản lý.

Bị đơn: Anh Lương Văn T trình bày: Về hôn nhân anh chị đã thuận tình ly hôn. Khi ly hôn chị H g đã tự nguyện thỏa thuận để anh T trực tiếp nuôi hai con chung. Sau khi ly hôn anh T phải đi làm còn hai con ở nhà do nhà của anh T gần nhà bà nội nên có bà chạy qua chạy lại. Vì vậy anh T không đồng ý thay đổi nuôi con. Anh T vẫn có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung.

Về tài sản: Anh T đang quản lý các tài sản chung của vợ chồng như chị H trình bày là đúng, còn chị H đang quản lý 01 xe máy vision nhưng tài sản phải chia làm 4 phần cho hai vợ chồng và hai con chung. Hai con anh T nuôi nên anh T được sở hữu 3/4 giá trị tài sản chung.

Về khoản nợ chung. Anh T công nhận nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Bá Thước là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) và nợ bà N là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) đây là nợ chung hai vợ chồng cùng có trách nhiệm trả. Chị H trực tiếp trả cho bà N còn anh T trực tiếp trả khoản nợ cho Ngân hàng chính sách.

Kết quả thẩm định và định giá tài sản ngày 31/3/2022 xác định:

-01 nhà cấp 4 làm năm 2018 diện tích sử dụng 108m<sup>2</sup>, xây tường 210, bố trí trên phần diện tích đất 215m<sup>2</sup> giá trị còn lại sau khi trừ khấu hao là 173.000.000đ (Một trăm bảy mươi ba triệu đồng) tọa trên phần diện tích xây dựng là 215m<sup>2</sup>, có tứ cận như sau;

Hướng Bắc giáp đường liên thôn có chiều dài 22m,

Hướng Nam giáp đất ruộng dài 22m,

Hướng Đông giáp phần đất lúa của gia đình anh T (liền kề thửa) dài 10,8m

Hướng Tây giáp đất ruộng của dân có chiều dài 6,5 m.

Giá đất nông nghiệp chưa chuyển đổi mục đích sử dụng giá đất là 30/000đ/m<sup>2</sup>. Trị giá đất anh chị đã xây dựng nhà kiên cố là 215m<sup>2</sup> x 30.000đ = 6.450.000đ (Sáu triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

-01 bộ bàn ghế anh T đã bán và quản lý tiền là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng),

-01 tủ gỗ bốn buồng giá trị còn lại 6.500.000đ (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng),

-01 tủ lạnh hiệu sharp 130 mua năm 2018 giá trị còn lại 1.000.000đ (Một triệu đồng),

-01 giường đôi gỗ keo giá trị còn lại 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng),

-01 bình nóng lạnh Rossi giá trị còn lại 2.000.000đ (Hai triệu đồng),

-01 bếp ga giá trị còn lại 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng),

-01 bàn trang điểm trị giá 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng),

-01 máy vánh (làm mộc) trị giá còn lại 3.000.000đ (Ba triệu đồng)

-Hệ thống đường điện 3 pha công tơ làm hết 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng)

-01 xe máy vision chị H đang quản lý sử dụng trị giá 7.000.000đ (Bảy triệu đồng).

Tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng là 237.200.000đ (Hai trăm ba mươi bảy triệu hai trăm nghìn đồng), tổng nợ chung là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng).

-Ba Hà Thị N trình bày khi anh T và chị H làm nhà có vay của bà 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) cả hai vợ chồng cùng phải có trách nhiệm trả nợ cho bà N nhưng bà có nguyện vọng lấy tiền trực tiếp từ chị H .

- Ngân hàng chính sách xã hội huyện Bá Thước có yêu cầu khoản nợ vay hộ gia đình của chị H và anh T là khoản nợ chung đề nghị Tòa án cân đối khi chia tài sản sau khi ly hôn để giao cho một người có trách nhiệm trả nợ khoản nợ

50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện Bá Thước.

Ý kiến của hai con chung: Sau khi bố mẹ ly hôn bố đi làm xa có hai chị em ở nhà không ai chăm sóc và bố không cho mẹ nói chuyện và gặp hai chị em nên hai cháu đều có nguyện vọng được về ở với mẹ.

Tại phiên tòa chị H trình bày: Chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản và nợ chung: Sau khi thẩm định, định giá tài sản chị H đã quản lý gồm: -01 bếp ga giá trị còn lại 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng), 01 bàn trang điểm trị giá 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), 01 tủ lạnh hiệu sharp 130 mua năm 2018 giá trị còn lại 1.000.000đ (Một triệu đồng), 01 xe máy vision chị H đang quản lý sử dụng trị giá 7.000.000đ (Bảy triệu đồng). Tổng giá trị tài sản chung chị H đang quản lý là 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm nghìn đồng) Và có nguyện vọng trực tiếp trả khoản nợ 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) cho bà Hà Thị N. Đề nghị Tòa án chia đôi giá trị tài sản chung yêu cầu anh T giao lại giá trị chênh lệch chia tài sản cho chị H. Chị H không ý kiến gì về giá trị quyền sử dụng đất bà P cho riêng anh T.

Tại phiên tòa anh T không đồng ý cho chị H nuôi con mà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Vì các cháu đã lớn nhà lại gần nhà ông bà nội nên anh đi làm để hai chị em cháu N và cháu A ở nhà với nhau.

Tại phiên tòa anh T công nhận các tài sản anh đang quản lý gồm: 01 nhà cấp 4 làm năm 2018 diện tích sử dụng 108m<sup>2</sup>, xây tường 210, bố trí trên phần diện tích đất 215m<sup>2</sup> giá trị còn lại sau khi trừ khấu hao là 173.000.000đ (Một trăm bảy mươi ba triệu đồng) toạ trên phần diện tích xây dựng là 215m<sup>2</sup>. Hiện nay đang là đất nông nghiệp chưa chuyển đổi mục đích sử dụng. Giá đất nông nghiệp chưa chuyển đổi mục đích sử dụng nên có giá trị là 215m<sup>2</sup> x 30.000đ = 6.450.000đ (Sáu triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

-01 bộ bàn ghế anh T đã bán và quản lý tiền là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), 01 tủ gỗ bốn buồng giá trị còn lại 6.500.000đ (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng), 01 giường đôi gỗ keo giá trị còn lại 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng), 01 bình nóng lạnh Rossi giá trị còn lại 2.000.000đ (Hai triệu đồng), 01 máy vánh (làm mộc) trị giá còn lại 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Hệ thống đường điện 3 pha công tơ làm hết 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng).

Anh T đồng ý trực tiếp có trách nhiệm trả khoản nợ chung của Ngân hàng chính sách xã hội huyện Bá Thước 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Tại phiên tòa: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có ý kiến:

Bà Hà Thị P trình bày đất bà khai hoang từ trước năm 1993 khi anh T lấy vợ bà Peng cho riêng con trai là Lương Văn T và lấy vợ làm nhà sau này

anh T có trách nhiệm làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với cơ quan chức năng.

Bà Hà Thị N trình bày: Khi anh T và chị H làm nhà có vay của bà N 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) cả hai vợ chồng cùng phải có trách nhiệm trả nợ cho bà N nhưng bà có nguyện vọng lấy tiền trực tiếp từ chị H .

Ngân hàng chính sách xã hội huyện Bá Thước sau khi nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử có đơn xin xử vắng mặt.

*Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:* Về tố tụng Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền và trình tự tố tụng thẩm phán, thư ký, HĐXX thực hiện đúng đủ theo quy định của BLTTDS. Về nội dung giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của chị H . Giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung cháu Lương Bảo A , sinh ngày 28/10/2014 cho đến tuổi thành niên. Giao cho anh Lương Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lương Thị Bảo N , sinh ngày 16/12/2007 cho đến tuổi thành niên, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Về tài sản và nợ chung đề nghị HĐXX xem xét chia đôi giá trị tài sản chung và chia đôi trách nhiệm trả nợ cân đối giá trị chênh lệch tài sản buộc anh Thiện giao lại giá trị chia tài sản cho chị Hương. Về án phí chị H phải chịu án phí không giá ngạch về việc thay đổi nuôi con chung. Các đương sự chịu án phí có giá ngạch với giá trị tài sản được chia theo quy định tại khoản Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Đây là vụ án “ Tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và chia tài sản chung sau khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 28 của BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS. Thẩm phán, thư ký và HĐXX đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định, trình tự của BLTTDS.

Việc xét xử vắng mặt Ngân hàng chính sách Xã hội huyện Bá Thước đã có đơn xin xử vắng mặt là đúng quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quan hệ pháp luật: *Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và chia tài sản sau khi ly hôn.*

[3] Nội dung:

[3.1]. Về việc “Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn”, sau khi ly hôn anh Thiện thường xuyên đi làm xa để hai con ở nhà tự nuôi nhau là không đảm bảo. Chị H khởi kiện thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị H g. Giao cho chị Hà Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Lương Bảo A sinh ngày 28/10/2014 cho đến tuổi thành niên. Giao cho anh Lương Văn T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Lương Thị Bảo N, sinh ngày 16/12/2007 cho đến tuổi thành niên. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai. Chị Hà Thị H và anh Lương Văn T có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3.2]. *Về tài sản chung*: Đây là tài sản hình thành trong thời kỳ hôn nhân nay chị H yêu cầu chia đôi giá trị tài sản chung là có căn cứ chấp nhận.

Tổng giá trị tài sản chung là 237.200.000đ mỗi người được chia giá trị tài sản chung là 118.600.000đ (Một trăm mười tám triệu sáu trăm nghìn đồng).

Chị H và anh T thỏa thuận tại phiên toà chị H có nguyện vọng sở hữu bằng hiện vật và chị đang quản lý gồm: 01 bếp ga 200.000đ, bàn trang điểm trị giá 300.000đ, 01 tủ lạnh trị giá 1.000.000đ và 01 xe máy trị giá 7.000.000đ. Tổng giá trị tài sản chị H có nguyện vọng sở hữu bằng hiện vật và đã quản lý là 8500.000đ (Tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Anh T đang quản lý giá trị tài sản là 228.700.000đ (Hai trăm hai mươi tám triệu bảy trăm nghìn đồng) gồm: 01 nhà cấp 4 làm năm 2018 diện tích sử dụng 108m<sup>2</sup>, xây tường 210, bố trí trên phần diện tích đất 215m<sup>2</sup> giá trị còn lại sau khi trừ khấu hao là 173.000.000đ (Một trăm bảy mươi ba triệu đồng) tọa trên phần diện tích xây dựng là 215m<sup>2</sup> có tứ cận như sau:

Hướng Bắc giáp đường liên thôn có chiều dài 22m,

Hướng Nam giáp đất ruộng dài 22m,

Hướng Đông giáp phần đất lúa của gia đình anh thiện (liền kề thửa) dài 10,8m,

Hướng tây giáp đất ruộng của dân có chiều dài 6,5 m.

-01 bộ bàn ghế anh T đã bán và quản lý tiền là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), 01 tủ gỗ bốn buồng giá trị còn lại 6.500.000đ (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng), 01 giường đôi gỗ keo giá trị còn lại 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng), 01 bình nóng lạnh Rossi giá trị còn lại 2.000.000đ (Hai triệu đồng), 01 máy vánh (làm mộc) trị giá còn lại 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

Hệ thống đường điện 3 pha công tơ làm hết 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng)

Tổng giá trị tài sản anh T quản lý là 228.700.000đ (Hai trăm hai mươi tám triệu bảy trăm nghìn đồng).

Như vậy tổng giá trị tài sản chung trừ đi nợ chung mỗi người còn được hưởng giá trị tài sản chung là  $[(228.700.000đ + 8.500.000đ) - 70.000.000đ] : 2 = 83.600.000đ$  (Tám mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng).

Về nợ chung anh T có trách nhiệm trả khoản nợ chung 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện Bá Thước, chị H có trách nhiệm trả cho bà Nhơn 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Anh T có trách nhiệm giao lại giá trị chênh lệch chia tài sản chung cho chị H là 95.100.000đ (Chín mươi lăm triệu một trăm nghìn đồng).

Về quyền sử dụng đất. Đây là tài sản được tặng cho riêng. Sử dụng ổn định lâu dài, không tranh chấp, thuộc quy hoạch đất ở nông thôn. Anh Lương Văn T có quyền liên hệ với cơ quan chức năng để chuyển đổi mục đích sử dụng và đóng thuế theo quy định. Hiện nay giá đất nông nghiệp chưa chuyển đổi mục đích sử dụng nên có giá trị là  $215m^2 \times 30.000đ = 6.450.000đ$  (Sáu triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

**[4]. Về án phí:** Chị Hà Thị H phải chịu án phí thay đổi người trực tiếp nuôi con chung là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) và các đương sự chịu án phí có giá ngạch của giá trị tài sản được chia 118.600.000đ (Một trăm mười tám triệu sáu trăm nghìn đồng) theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ: Điều 81; Điều 82; Điều 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 227; Khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

-Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hà Thị H về yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Giao cho chị Hà Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Lương Bảo A , sinh ngày 28/10/2014 cho đến tuổi thành niên. Giao cho anh Lương Văn T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Lương Thị Bảo N , sinh ngày 16/12/2007 cho đến tuổi thành niên.

Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Chị Hà Thị H và anh Lương Văn T có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc chia đôi giá trị tài sản chung và chia đôi nghĩa vụ trả khoản nợ chung trong thời kỳ hôn nhân.

**3.1.** Anh Lương Văn T được quyền sở hữu tài sản chung bằng hiện vật anh T đang quản lý gồm;

-01 nhà cấp 4 trị giá 173.000.000đ (Một trăm bảy mươi ba triệu đồng), 01 bộ bàn ghế anh T đã bán và quản lý tiền là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), 01 tủ gỗ 04 buồng trị giá 6.500.000đ (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng), 01 giường đôi gỗ keo trị giá 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng), 01 bình nóng lạnh Rossi trị giá 2.000.000đ (Hai triệu đồng), 01 máy vanh trị giá 3.000.000đ (Ba triệu đồng), hệ thống điện 3 pha trị giá 14.000.000đ (lắp đặt) (Mười bốn triệu đồng). Tổng giá trị tài sản anh T quản lý sở hữu bằng hiện vật trị giá là 228.700.000đ (Hai trăm hai mươi tám triệu bảy trăm nghìn đồng). Nhưng anh T có trách nhiệm trả khoản nợ ngân hàng chính sách xã hội huyện Bá Thước là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Và anh Lương Văn T có trách nhiệm giao lại giá trị chênh lệch chia tài sản cho chị Hà Thị H là 95.100.000đ (Chín mươi lăm triệu một trăm nghìn đồng).

**3.2-** Chị Hà Thị H được quyền sở hữu các tài sản chung bằng hiện vật hiện nay chị H đang quản lý gồm: 01 xe máy vision BKS 36G5-20213 trị giá còn lại là 7.000.000đ (Bảy triệu đồng), 01 tủ lạnh sharp trị giá 1.000.000đ (Một triệu đồng), 01 bếp ga trị giá 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng), 01 bàn trang điểm trị giá 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Tổng giá trị tài sản chị H quản lý là bằng hiện vật là 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm nghìn đồng).

- Chị Hà Thị H được nhận giá trị chênh lệch chia tài sản từ anh Lương Văn T là 95.100.000đ (Chín mươi lăm triệu một trăm nghìn đồng).

Chị Hà Thị H có trách nhiệm trả cho bà Hà Thị N là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

**3.3.** *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

-Ngân hàng chính sách xã hội huyện Bá Thước được quyền thu hồi khoản nợ 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) từ anh Lương Văn T .

- Bà Hà Thị N được quyền lấy khoản nợ 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) từ chị Hà Thị H .

**4.** Về án phí: Chị Hà Thị H phải chịu án phí thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi y hôn là 300.000đ và án phí có giá ngạch của giá trị tài sản được hưởng là 118.600.000đ (Một trăm mười tám triệu sáu trăm nghìn đồng) là 5.930.000đ. Tổng cả hai loại án phí là 6.230.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã đóng là 10.560.000đ (Mười triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng). Hoàn trả lại cho chị Hà Thị H là 4.330.000đ (Bốn triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng).

Anh Lương Văn T phải chịu án phí có giá ngạch của giá trị tài sản được hưởng giá trị quyền sử dụng đất là 6.450.000đ (Sáu triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) tài sản riêng và giá trị tài sản chung được hưởng là 118.600.000đ. Tổng



giá trị tài sản phải chịu án phí là  $125.050.000đ \times 5\% = 6.252.500đ$  làm tròn là 6.253.000đ (Sáu triệu hai trăm năm mươi ba nghìn đồng).

Án sơ thẩm có mặt chị Hà Thị H và anh Lương Văn T, bà Hà Thị P, bà Hà Thị N, vắng mặt Ngân hàng chính sách Xã hội huyện Bá Thước. Chị H và anh T, bà P và bà N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ngân hàng chính sách Xã hội huyện Bá Thước có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt án hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THA dân sự huyện Bá Thước
- Cơ quan thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Quyên**